TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2018/QĐST-DS	Châu Thành, ngày 15 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1969

Ngụ tại: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

***Bị đơn:** -Chị Trương Thị Thu T, sinh năm 1974

-Anh Trần Minh N, sinh năm 1973

Cùng ngụ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

(Anh N ủy quyền cho chị T)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Chị Trương Thị Thu T và anh Trần Minh N đồng ý có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị Hồng H số tiền hụi còn thiếu là 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng).

Ghi nhận bà H không có yêu cầu tính lãi đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T và anh N chưa thi hành xong số tiền trên thì anh chị phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Án phí DSST có giá ngạch:

+Bà Trần Thị Hồng H chịu 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015677 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Bà H được hoàn lại số tiền 1.050.000đ (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

+Chị Trương Thị Thu T, anh Trần Minh N liên đới chịu 700.000đ (bảy trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKSND huyện C;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Bích Việt